

Giặc Ân Ngày Nay Không ở Đâu Xa

Trần Trung Đạo

Theo Niên giám Thống kê Di dân (Yearbook of Immigration Statistics) của chính phủ Mỹ, tôi là một trong 280,728 người Việt Nam đến Mỹ trong thập niên 1980-1990. Nói như vậy để phân biệt với 135 ngàn đồng hương trong đợt di dân đầu tiên vào những ngày trước 30 tháng 4 năm 1975, với khoảng 100 ngàn chú bác anh chị cựu tù nhân chính trị, với diện ODP và nhiều diện khác đến sau. Chúng tôi được báo chí gọi chung cho một cái tên là Thuyền nhân (Boat people). Hai chữ đó đã là nguồn sáng tác của nhiều bài thơ, bút ký, nhạc phẩm mang đầy ký ức bi thương và hãi hùng trên biển Đông. Nhưng cũng từ những khó khăn vất vả đó, những người tị nạn như tôi đã tìm đến nhau, giúp đỡ nhau và xây dựng nên một tập thể được gọi là Cộng đồng Việt Nam.

Không giống như cộng đồng các sắc dân khác tại Mỹ, cộng đồng Việt Nam được ra đời sau một cuộc chiến tranh dài với quá nhiều đau thương và chịu đựng. Đọc lịch sử nước Mỹ, chúng ta biết rằng những người Đức, người Ý, người Ba Lan khi đặt chân đến Mỹ, họ chỉ mang trên vai gánh nặng của tương lai. Khi còi tàu rú lên báo hiệu giờ vào cảng Boston, New York, San Francisco, cuộc đời họ được lật sang một chương khác. Họ dễ dàng hội nhập vào xã hội kỹ nghệ Hoa Kỳ bởi vì họ đến từ một quốc gia kỹ nghệ. Họ dễ dàng hội nhập vào lối sống, tập tục, văn hóa Mỹ bởi vì chính họ cũng từ phong tục tập quán Châu Âu.

Cộng đồng Việt Nam thì khác. Đa số người Việt đến đây từ một nền văn hóa phương Đông khép kín, với những phong tục tập quán hoàn toàn khác với các sinh hoạt trong xã hội Tây phương. Người Việt ra đi mang trên hai vai cả quá khứ đầy u uất và một tương lai còn nhiều bất định. Trong hàng triệu người Việt vượt biên bằng đường biển, bao nhiêu người khi ngồi trên ghe biết mình sẽ trôi dạt về đâu? Tôi tin không ai biết chắc. Nhiều trong số họ đến được bến bờ tự do khi chiếc áo chưa phai mùi khói súng và những vết thương trên da thịt vẫn còn đang mưng mủ. Bom đạn đã thôi rơi nhưng sức chấn động như vẫn còn nghe trong giấc ngủ quê người.

Sau 42 năm, đội ngũ người Việt như tôi đến trước hay đến sau thuộc nhiều diện khác nhau, đã lên đến khoảng 3 triệu người, sống rải rác trên hàng trăm quốc gia, từ Brazil đến Morocco, từ Cộng Hòa Nam Phi đến Do Thái. Họ đã góp phần làm thay đổi khuôn mặt của những nơi họ ở, biến những khu thải phế liệu thành những trung tâm thương mại khang trang, biến những con đường vốn đầy tội ác thành những khu phố sầm uất. Họ đứng trước những hàng rào về ngôn ngữ, văn hóa, thói quen, tập quán nhưng đa số đã vượt qua. Họ tận dụng mọi cơ hội trong xã hội mới, đi làm hai ba việc một ngày để lo cho con cái ăn học thành tài. Nhiều người Việt hải ngoại thành công bởi vì họ biết rõ một điều rằng không ai có thể thay đổi quá khứ nhưng chắc chắn sẽ làm chủ được tương lai.

Dù thành công ở xứ người, tình yêu quê hương trong lòng người Việt bao giờ cũng thể hiện rất rõ nét và sâu đậm. Những ngày mới ra đi nhớ quê hương là chuyện đã đành, nhưng càng đi xa, càng sống lâu trong êm ấm càng thấy thương những người còn chịu đựng gian nan. Mỗi dịp Tết, hàng trăm ngàn đồng hương về thăm gia đình, cha mẹ, bà con. Tuy nhiên, nếu chỉ nhìn vào việc bà con về thăm nhà hay gửi tiền về cho thân nhân mà gọi đó là “đóng góp vào sự nghiệp xây dựng đất nước” hay chấp nhận chế độ chính trị tại Việt Nam thì quả thật là những đánh giá hời hợt. Bầy cá hồi nhớ đường về sông cũ và những chiếc lá thường rơi về cội. Dòng sông và nguồn cội của của người Việt là gia đình cha mẹ, mồ mả tổ tiên, thân bằng quyến thuộc chứ không phải chế độ đang cai trị đồng bào họ.

Người Do Thái có khẩu hiệu “Người Do Thái mua hàng Do Thái” để khuyến khích sản xuất cho nước họ, nhưng tôi tin không bao nhiêu người Việt đi chợ ở Mỹ có được tinh thần đó. Chẳng những thế, cái gì có bàn tay CSVN dính vào là đại đa số người Việt hải ngoại không ưa. Thật đáng đau buồn cho một dân tộc với hơn bốn ngàn năm văn hiến, đã giữ được nền văn hóa riêng sau một ngàn năm Bắc thuộc, đã giành được quyền tự chủ sau gần trăm năm trong bàn tay sắt của thực dân nhưng lại không vượt qua được sự lạc hậu chậm tiến của chính mình. Sức cản chính trên con đường phát triển Việt Nam về mọi lãnh vực cho đến nay vẫn là cơ chế chính trị độc tài lạc hậu và tư duy hẹp hòi thiển cận của giới cầm quyền Cộng sản Việt Nam. Giới cầm quyền CS đã đặt quyền lợi đảng lên trên quyền lợi dân tộc. Với họ, độc quyền cai trị là ưu tiên tối thượng, và tất cả chính sách, dù đổi mới kinh tế hay cải cách văn hóa xã hội, đều nhằm phục vụ cho quyền cai trị hay ít ra

không đi ngược với quyền lợi của đảng. Họ thà để cho đất nước lạc hậu hay tiến chậm còn hơn thực hiện các cải cách chính trị căn bản có thể đe dọa quyền cai trị.

Đảng chặn dân như chặn một bầy cừu, cho ăn tạm đủ no, cho uống bớt khát, nhưng đàn cừu tội nghiệp kia 42 năm qua vẫn chưa thấy một thảo nguyên xanh tươi hay một dòng suối mát. Sống như thế không phải là sống trong “hòa bình” và “ổn định” như một vài người nhắm mắt bưng tai biện minh cho đảng. Kết luận như thế là khinh thường nhận thức chính trị của người dân Việt Nam. Người dân trong nước không có điều kiện thực thi nhân quyền và dân chủ chứ không phải họ không hiểu thế nào là nhân quyền và dân chủ. Không phải đợi đọc xong Jean-Jacques Rousseau, Alexis Tocqueville, John Locke, John Stuart Mill mới hiểu rằng con người có quyền phát biểu những gì họ nghĩ, có quyền sống nơi họ chọn lựa, có quyền bầu ra người đại diện cho mình trong chính phủ và quốc hội. Nhân quyền là quyền bẩm sinh của con người chứ không phải do ai ban phát. Việc cho rằng người dân trong nước đang “yên vui hưởng phúc thái bình” là lặp lại giọng điệu tuyên truyền của ba đời họ Kim ở Bắc Hàn.

Một dân tộc bốn ngàn năm không ngừng tranh đấu nhưng cho đến hôm nay, ngoại trừ một thời gian ngắn ở miền Nam, vẫn chưa có được những quyền tự do chính trị căn bản mà các bộ lạc ở Ghana, Congo đang có. Đó là nói về nhận thức, còn trong thực tế thì sao? Sau 42 năm qua nhân dân Việt Nam có thật sự “yên vui hưởng phúc thái bình” không? Đánh tư sản mại bản chưa xong là cải tạo công thương nghiệp, kinh tế mới, trại tập trung, chiến tranh Kampuchia 1979, chiến tranh với Trung Cộng lần thứ nhất 1979, nạn đói từ 1976 đến 1981, đụng độ với Trung Cộng lần nữa và mất một phần lãnh thổ phía Bắc trong trận Lào Sơn 1984, bị hải quân Trung Cộng đánh bại tại Trường Sa 1988. Có một thời cây kim đồng hồ tại Việt Nam như đứng lại, dân tộc Việt như một đàn chim bay tán loạn bốn phương trời. Và khi nội lực tiêu tan, khả năng kiệt quệ, cố mở mắt nhìn ra bên ngoài thì than ôi nhân loại đã bỏ xa mình hàng thế kỷ.

Giang sơn gấm vóc nhuộm bằng mồ hôi nước mắt của tổ tiên, từ biên giới phía Bắc đến các hải đảo thân yêu, đang từng mảnh rơi vào tay Trung Cộng. Sở dĩ đến hôm nay Việt Nam còn giữ được vài đảo trong quần đảo Trường Sa bởi vì cuộc tranh chấp chủ quyền của quần đảo liên quan đến nhiều nước, nếu đó chỉ là cuộc tranh chấp giữa Trung Cộng và Việt Nam thôi thì Trường Sa đã mất lâu rồi. Làm người Việt Nam mà không biết cái nhục yếu hèn, không lo cái họa mất nước, mà còn gọi đó là “thái bình” và “ổn định” sao?

Với chủ trương bảo vệ quyền cai trị bằng mọi giá nên mặc dù ngoài miệng hô hào hòa giải để cùng nhau xây dựng đất nước, trong mắt của giới cầm quyền đảng, khối người Việt nước ngoài vẫn là những kẻ đáng nghi ngờ, vẫn là lực lượng phản động đang chờ cơ hội lật đổ quyền cai trị của đảng. Cuộc cách mạng dân tộc dân chủ toàn diện và triệt để, vì thế, là một tiến trình không thể nào tránh khỏi tại Việt Nam. Nỗ lực của những người Việt yêu nước, dù trong hay ngoài nước, dù tạm thời còn trong đảng hay đang trực diện đấu tranh chống đảng, không phải là ngăn cản hay đẩy lùi tiến trình đó, nhưng nên chung lưng góp sức với nhau để cách mạng được diễn ra trong hòa bình, thuận lợi và ít lãng phí tài nguyên dân tộc.

Việt Nam hơn bao giờ hết đang cần nhiều Phù Đổng vươn vai cứu nước, nhưng để trở thành Phù Đổng, các thế hệ Việt Nam phải can đảm bước xuống khỏi chiếc nôi đang ru ngủ họ và nhận ra đâu là chướng ngại trên con đường phục hưng và phát triển Việt Nam. Giặc Ân ngày nay không ở đâu xa mà đang đứng trước mặt và không ai khác hơn chính là giới cầm quyền CS đang cai trị đất nước.

17/12/2017